

Bản án: 55/2018/DS - ST.
Ngày: 07/11/2018.
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Mậu.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST- DS ngày 10 tháng 8 năm 2018, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST – DS, ngày 02/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 3 - Xã Đ – Huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Hồ Ngọc C, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 3 - Thôn 3 - Xã B - huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 3 - Thôn 3 - Xã B - huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương S, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 3 - Xã Đ – huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Bà Trần Thị T trình bày như sau:

Vào khoảng tháng 4/2017, vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C và bà Trần Thị T, ông Trương S có nhiều lần mua bán lúa với nhau. Sau khi thanh toán tiền mua bán lúa thì vợ chồng bà M còn nợ vợ chồng bà T số tiền là 300.000.000đ và thỏa thuận trong thời hạn 1 tháng sẽ trả số tiền này. Do vợ chồng bà M không có khả năng trả số tiền này đúng thời hạn, nên đến tháng 5/2017, hai bên thỏa thuận thống nhất chuyển số tiền nợ lúa 300.000.000đ này thành tiền ông C, bà M vay của bà T với lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Thế nhưng, đến hạn bà M vẫn không trả số tiền này cho vợ chồng bà T. Đến ngày 05/8/2017, Bà M có viết giấy thể hiện có vay bà T số tiền 300.000.000đ. Sau đó, bà M đã trả cho vợ chồng bà T, ông S số tiền lãi là 13.500.000đ và tiền nợ gốc là 30.000.000đ. Hiện nay, vợ chồng bà M, ông C còn nợ vợ chồng bà T, ông S số tiền 270.000.000đ. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà M phải có trách nhiệm trả số tiền 270.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

[2] Thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, bị đơn - Bà Nguyễn Thị M trình bày như sau:

Vào năm 2017, bà Nguyễn Thị M có mua của vợ chồng ông Trương S, bà Trần Thị T một khối lượng lúa và nợ số tiền bao nhiêu thì không xác định được. Do không có tiền trả nên bà M đã viết giấy thể hiện có mượn bà T số tiền 300.000.000đ; lãi suất 2,5%/tháng; không thỏa thuận thời hạn vay. Sau đó, bà M đã trả cho ông S, bà T được 30.000.000đ và còn nợ lại 270.000.000đ đến nay chưa trả.

Bà Nguyễn Thị M xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà M. Do đó, bà M và ông Hồ Ngọc C (là chồng bà M) có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà T, ông S số tiền 270.000.000đ.

[3] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Trương S trình bày:

Năm 2017, bà Nguyễn Thị M có mua của vợ chồng ông Trương S, bà Trần Thị T 150 tấn lúa trị giá là 800.000.000đ. Ông C, bà M chỉ trả được 500.000.000đ và còn nợ ông S, bà T 300.000.000đ. Sau đó, hai bên thỏa thuận cho bà M mượn số tiền nợ lúa 300.000.000đ này trong thời hạn 01 tháng sẽ trả. Thời gian vừa qua, bà M đã trả số tiền 30.000.000đ. Hiện nay, còn nợ lại số tiền là 270.000.000đ. Cho nên, ông S yêu cầu vợ chồng bà M, ông C phải trả cho vợ chồng ông S, bà T số tiền 270.000.000đ. Ông S không yêu cầu tính tiền lãi.

[4]. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn - ông Hồ Ngọc C; tuy nhiên ông C đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án chưa thu thập được lời khai của ông Hồ Ngọc C về các vấn đề liên quan trong vụ án.

[5]. Những chứng cứ đã thu thập được:

- Nguyên đơn - Bà Trần Thị T đã cung cấp cho Tòa án những chứng cứ sau: 01 mảnh giấy (loại giấy vở học sinh - kẻ ô li) có chữ viết tay bằng mực màu xanh, ghi "Ngày 5/8/2017", phía dưới có một chữ ký ghi "M" có nội dung "Em

M mượn chị T số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu) và 01 mảnh giấy có chữ viết tay bằng mực màu xanh, ghi ngày 11/5/2018.

[6]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất và chưa thống nhất:

Do chưa lấy lời khai của ông Hồ Ngọc C về các vấn đề liên quan trong vụ án nên chưa xác định được cụ thể những vấn đề các đương sự đã thống nhất và chưa thống nhất.

Riêng đối với bà Trần Thị T, ông Trương S và bà Nguyễn Thị M thì đều thống nhất thừa nhận: Hiện nay bà M, ông C còn nợ bà T, ông S số tiền vay 270.000.000đ.

[7]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

**/ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

**/ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị xem xét áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228, 273 BLTTDS năm 2015.

- Các Điều 463, 466 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà Trần Thị T, ông Trương S số tiền 270.000.000đ.

Chia phần: Ông Hồ Ngọc C phải trả cho bà Trần Thị T, ông Trương S 135.000.000đ; bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Trần Thị T, ông Trương S 135.000.000đ.

Về án phí: Vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C phải nộp 13.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho chị Trần Thị T số tiền 6.750.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn - Bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C đều vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xét xử vắng mặt các bị đơn. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - Bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C phải liên đới trả cho bà T, ông S số tiền 270.000.000đ. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu gì khác trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[3] Về yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn - Bà Trần Thị T:

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bà Trần Thị T và ông Trương S yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C phải liên đới trả cho bà T, ông S số tiền vay 270.000.000đ. Thể hiện tại biên bản lời khai và biên bản hòa giải ngày 14/9/2018 (bút lục số 20, 25, 26 và 30), bà M xác nhận còn nợ bà T, ông S số tiền 270.000.000đ và chấp nhận trả cho ông S, bà T số tiền này.

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai bị đơn - ông Hồ Ngọc C về những vấn đề liên quan trong vụ án. Thế nhưng, tại biên bản hòa giải, ngày 14/9/2018, bà Nguyễn Thị M thừa nhận số tiền 270.000.000đ là khoản nợ chung của vợ chồng bà M, ông C. Ngoài ra, số tiền bà M vay của vợ chồng ông S, bà T nhằm mục đích phục vụ quá trình buôn bán để phát triển kinh tế gia đình và thời gian này, ông C và bà M có mối quan hệ vợ chồng với nhau. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định: Số tiền 270.000.000đ là khoản nợ chung của vợ chồng bà M, ông C.

Vì vậy, yêu cầu của bà Trần Thị T và ông Trương S là có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T, ông Trương S số tiền nợ vay 270.000.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu tính tiền lãi:

Bà Trần Thị T và ông Trương S không yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C trả tiền lãi đối với số tiền 270.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà Trần Thị T và ông Trương S được chấp nhận nên cần buộc bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Ngọc C phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án theo quy định tại Điều 147 BLTTDS

năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

[6] *Xét về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:* Hội đồng xét xử xét thấy: Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T là có căn cứ và phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C:

Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T, ông Trương S số tiền nợ vay là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

- Chia phần:

Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T, ông Trương S số tiền 135.000.000đ (Một trăm, ba mươi lăm triệu đồng).

Ông Hồ Ngọc C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T, ông Trương S số tiền 135.000.000đ (Một trăm, ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ *Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.*

+ *Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm*

- Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Ngọc C phải liên đới nộp số tiền 13.500.000đ (mười ba triệu, năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí là 6.750.000đ (sáu triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) mà ông Trương S đã nộp thay theo biên lai

số N.0012782, ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm, công khai. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07/11/2018). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.T;
- C.C THA DS H.T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến